

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 164/2025/DS-ST
Ngày: 09-12-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tám

2. Ông Lê Hoàng Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 -An Giang tham gia phiên
tòa:** Bà Huỳnh Như Muội - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2025/QĐXXST-DS ngày 13/10/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2025/QĐ-TA ngày 13/11/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp B, xã V, tỉnh An Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày:

Theo đơn khởi kiện của ông Lê Văn C ngày 10/10/2024 ông C yêu cầu Toà án buộc ông P trả số tiền lúa giống là 519.400.000 đồng. Yêu cầu ông P trả số tiền hỏi mượn là 22.200.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông C đồng ý rút yêu cầu đối với tiền ông P về

tiền lúa giống là 470.000.000 đồng và rút lại yêu cầu đối với ông P về số tiền vay là 22.200.000 đồng. Ông C chỉ yêu cầu ông P trả số tiền lúa giống 49.400.000 đồng, yêu cầu ông P trả trong thời hạn 02 lần, trong đó cho ông P trả lần 01 vào ngày 15/02/2026 (tức ngày 28/12/2025 âm lịch) số tiền 30.000.000 đồng; cho ông P trả lần 02 vào ngày 15/4/2026 (tức ngày 28/02/2026 âm lịch) trả số tiền 19.400.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông P cho rằng ông có giới thiệu cho ông C để mua lúa giống bán lại cho bà con nông dân, ông không có nhận tiền vay của ông C. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh K thu hồi lúa giống không rõ nguồn gốc thì ông có thu hồi số giống của Cao giao lại tương ứng số tiền 244.000.000 đồng. Tại phiên toà, phía nguyên đơn ông C do đồng ý rút yêu cầu về số tiền lúa giống là 470.000.000 đồng và ông Cao R lại yêu cầu đối với số tiền vay là 22.200.000 đồng thì ông thống nhất không ý kiến gì. Đối với số tiền lúa giống là 49.400.000 đồng ông C yêu cầu thì ông thống nhất trả số tiền 49.400.000 đồng cho ông C trong thời hạn 02 lần, trong đó ông đồng ý trả cho ông C lần 01 trả vào ngày 15/02/2026 (tức ngày 28/12/2025 âm lịch) số tiền 30.000.000 đồng; trả lần 02 trả vào ngày 15/4/2026 (tức ngày 28/02/2026 âm lịch) trả số tiền 19.400.000 đồng.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên vụ án đã quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút tổng số tiền 492.200.000 đồng (trong đó tiền lúa giống 470.000.000 đồng và tiền vay là 22.200.000 đồng) do nguyên đơn ông C tự nguyện rút yêu cầu.

Đối với số tiền lúa giống 49.400.000 đồng giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất được thời gian trả, cách thức trả nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận giữa các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản và vay tài sản ” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thẩm quyền: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản và vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 mà bị đơn ông P có nơi cư trú trên địa bàn ấp B, xã V, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung:

Nguyên đơn ông C xác định vào ngày 09/6/2024 âm lịch ông có mua lúa giống của ông P là 3.200 kg và ngày 12/6/2024 âm lịch ông mua lúa giống của ông P là 3.035kg, tổng cộng 6.235 kg, mỗi bịch 05kg, số bịch là 1.247 bịch, tổng số tiền lúa giống là 748.000.000 đồng nhưng ông đã đưa cọc cho ông P số tiền là 310.000.000 đồng, số tiền còn lại là 438.000.000 đồng đến ngày 12/6/2024 âm lịch ông đưa cho ông P là 434.000.000 đồng. Ngày 16/6/2024 âm lịch Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh K thu hồi lúa giống không rõ nguồn gốc nên ông yêu cầu ông P phải thu hồi lại số lúa giống, thực tế ông P có đưa tiền lại cho ông số tiền lúa giống là 244.000.000 đồng, số tiền còn lại 504.000.000 đồng ông P chưa trả. Ngoài ra, ông P có hỏi mượn tiền của ông số tiền tổng cộng là 22.200.000 đồng. Theo đơn khởi kiện của ông Lê Văn C ngày 10/10/2024 yêu cầu Tòa án buộc ông P trả số tiền lúa giống là 519.400.000 đồng và trả số tiền hỏi mượn là 22.200.000 đồng.

Theo bị đơn ông P xác định ông có giới thiệu cho ông C để mua lúa giống bán lại cho bà con nông dân, ông không có nhận tiền vay của ông C số tiền 22.200.000 đồng gì cả. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh K thu hồi lúa giống không rõ nguồn gốc thì ông có thu hồi số giống của Cao giao lại tương ứng số tiền 244.000.000 đồng. Nay ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông phải trả số tiền lúa giống là 519.400.000 đồng và trả số tiền hỏi vay là 22.200.000 đồng là ông không đồng ý.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông C đồng ý rút yêu cầu đối với tiền ông P về số tiền lúa giống là 470.000.000 đồng và rút lại yêu cầu đối với ông P về số tiền vay là 22.200.000 đồng. Việc ông C đồng ý rút yêu cầu đối với tiền ông P nợ tiền lúa giống là 470.000.000 đồng và rút lại yêu cầu đối với ông P về số tiền vay là 22.200.000 đồng là ông P thống nhất không ý kiến gì nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu đã rút là tiền lúa giống là 470.000.000 đồng và số tiền vay là

22.200.000 đồng.

Đối với số tiền lúa giống 49.400.000 đồng, nguyên đơn ông C yêu cầu ông P trả. Bị đơn ông P thống nhất trả số tiền lúa giống còn thiếu ông C là 49.400.000 đồng. Các bên thoả thuận phía ông P có trách nhiệm trả cho ông C tổng số tiền lúa giống 49.400.000 đồng trong thời hạn 02 lần. Trong đó, lần 1 trả cho ông C vào ngày 15/02/2026 (tức ngày 28/12/2025 âm lịch) số tiền 30.000.000 đồng; trả lần 02 trả cho ông C vào ngày 15/4/2026 (tức ngày 28/02/2026 âm lịch) trả số tiền 19.400.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, đối với số tiền lúa giống 49.400.000 đồng giữa nguyên đơn ông C và bị đơn ông P đều thống nhất ông P còn nợ ông C số tiền trên, cũng như thống nhất được thời gian trả, phương thức trả nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận giữa các bên là ông P có trách nhiệm trả cho ông C tổng số tiền lúa giống 49.400.000 đồng trong thời hạn 02 lần. Trong đó, lần 1 trả cho ông C vào ngày 15/02/2026 (tức ngày 28/12/2025 âm lịch) số tiền 30.000.000 đồng; trả lần 02 trả cho ông C vào ngày 15/4/2026 (tức ngày 28/02/2026 âm lịch) trả số tiền 19.400.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - An Giang tại phiên toà là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 8 Điều 26 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tiền án phí là: $49.400.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.470.000 \text{ đồng}$, ông P phải chịu số tiền án phí là 2.470.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Lê Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ Luật dân sự; Điều 6, khoản 8 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu đã rút là tiền lúa giống là 470.000.000 đồng và số tiền vay là 22.200.000 đồng.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bên cụ thể là ông Nguyễn Văn P có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn C tổng số tiền lúa giống còn thiếu là 49.400.000 đồng trong thời hạn 02 lần, trong đó:

Lần 1 vào ngày 15/02/2026 (tức ngày 28/12/2025 âm lịch) ông Nguyễn Văn P trả cho ông Lê Văn C số tiền 30.000.000 đồng;

Lần 2 vào ngày 15/4/2026 (tức ngày 28/02/2026 âm lịch) ông Nguyễn Văn P trả cho ông Lê Văn C số tiền 19.400.000 đồng.

Trường hợp ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo định kỳ như thỏa thuận thì ông C có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - An Giang buộc trả từng lần đối với số nợ chưa thanh toán mà vi phạm nghĩa vụ.

Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu Thi hành án mà ông P không trả thì còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 đối với số tiền còn thiếu chậm Thi hành án.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn P chịu dân sự sơ thẩm là 2.470.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Lê Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.832.000 đồng theo biên lai thu số 0002410 ngày 28/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - An Giang).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 6 -An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 6 - An Giang;
- UBND xã Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Phụng

